

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa**Tập 119****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010****Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo chánh: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm ba mươi tám, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, xem từ đoạn này.

“Hựu vân: Quán chư pháp Không, thị danh Không. Ư Không trung, bất khả thủ tướng, thị thời, Không chuyển danh Vô Tướng. Vô Tướng trung, bất ưng hữu sở tác vi tam giới sanh, thị thời, Vô Tướng chuyển danh Vô Tác (tức Vô Nguyện)” (Lại nói: “Quán các pháp là Không, nên gọi là Không. Trong cái Không đó, chẳng thể giữ lấy tướng, ngay khi ấy, cái Không đổi tên là Vô Tướng. Trong Vô Tướng, chớ nên có thứ gì được làm để sanh trong tam giới, nên ngay khi ấy, Vô Tướng đổi tên là Vô Tác, tức là Vô Nguyện). Chúng ta xem từ chỗ này, vẫn là những điều được nói trong Trí Độ Luận, dạy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày thấy thấu suốt và buông xuống như thế nào. “*Quán chư pháp Không*” được kinh Bát Nhã giảng nhiều nhất. Trong các đồng học, rất nhiều vị đã đọc kinh Kim Cang Bát Nhã. Kinh Kim Cang chẳng dài, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư khai ngộ do kinh ấy. Do vậy, bộ kinh ấy trở thành kinh bậc nhất và cơ bản trong Thiên Tông, biến thành một khóa trình phải tu học. Kinh văn chẳng dài lắm, đại khái chỉ có hơn năm ngàn chữ, do ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch, vô cùng thích hợp khẩu vị của người Trung Quốc, nên người niệm [kinh Kim Cang] đặc biệt nhiều. Câu quan trọng nhất trong kinh, cũng là câu khiến cho ngài Huệ Năng khai ngộ là “*ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (đừng nên trụ vào đâu để sanh tâm). Câu ấy dạy chúng ta cách nhìn vạn sự vạn vật trong toàn thể vũ trụ, nói rất đơn giản, rất rõ ràng, dạy chúng ta thấy hết thấy sự vật: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Đó là quán các pháp Không, tức là Không Giải Thoát môn trong ba môn giải thoát.

Không ở chỗ nào? Không ở trong Sắc, Sắc tức là Không. Không chẳng ở bên ngoài, mà từ ngay trong vạn sự, vạn pháp, quý vị thấy Không. Vì sao có thể thấy Không? Quý vị thấy tất cả hết thấy các pháp đều do nhân duyên sanh, như Trung Quán Luận đã nói: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không*” (pháp do nhân duyên sanh, ta nói chính là Không), “*ta*” ở đây là đức Phật nói. Các pháp do nhân duyên sanh, chẳng có tự thể. Chúng ta thường cầm tràng hạt (xâu chuỗi), chúng ta thấy nó là một chuỗi, hãy thấy

bản thể của nó là Không. Tràng hạt là từng hạt một, do một sợi dây xâu lại, nó là duyên sanh (do các duyên hội tụ mà sanh ra). Chúng ta tháo sợi dây ấy ra, từng hạt từng hạt một [tách rời], tướng tràng hạt chẳng còn nữa. Đối với từng hạt, chúng ta thấy nó là hạt cây, do cây sanh ra, nên [mỗi hạt] cũng là pháp sanh bởi nhân duyên. Duyên tụ, bèn có một hạt xâu chuỗi; khi duyên tán, hạt xâu chuỗi chẳng còn nữa, biến thành bột! Bỏ đó đã lâu, quý vị chẳng dùng đến nó, bỏ mặc đó, nó sẽ biến thành bột, gió vừa thổi bèn tan mất. Tụ thì nó có tướng; tán thì tướng chẳng còn nữa! Chẳng cần chờ nó tán, quý vị mới biết là Không, mà hiện thời đã biết nó là Không. Tướng của nó chẳng thể duy trì vĩnh cửu! Nói chung, sẽ có ngày nó hư hoại, tan mất, bản thể chính là Không, đó là trí huệ. Chúng ta thấy hết thấy các pháp đều như thế, kể cả các tinh cầu cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Nếu chúng ta có dịp đến thăm đài Thiên Văn, gần như sẽ thường thấy các tinh cầu bùng nổ trong không gian, những tinh cầu ấy chẳng còn nữa. Vì thế, đối với sự tồn tại của tinh cầu, kinh Phật nói là “*thành, trụ, hoại, không*”, tinh cầu chẳng có! Cũng rất có thể là chúng ta thường phát hiện: Ở nơi đây vốn chẳng có tinh cầu, đột nhiên xuất hiện một ngôi sao sáng lấp lánh, chúng ta biết là một ngôi sao mới hình thành. Đây cũng là nói các ngôi sao già đã tử vong, hủy diệt; trong vũ trụ có thành, trụ, hoại, không. Quý vị biết thứ gì cũng đều là vô thường, không chỉ là “*biển xanh, nương dâu*”. Nếu chúng ta rất lắng lòng quan sát, sẽ biết hết thấy các pháp “*hễ duyên tụ bèn có, duyên tán bèn không*”, nên biết là Không! Đã biết là Không, nên đối với Không, chớ nên chấp tướng!

Gì là Không? Tướng là Không, tất cả các tướng là Không. Tất cả các tướng, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thời gian tồn tại chẳng dài. Con người sống trong thế gian này, chúng ta nghĩ tới các thế hệ trước, thế hệ cha mẹ đã khuất, thế hệ ông bà đã khuất. Trong dòng thời gian dài vô hạn, họ chỉ tồn tại một thời gian ngắn, trước giai đoạn ngắn ngủi đó, chẳng có họ, sau giai đoạn ngắn ngủi đó, cũng chẳng có họ, đều chẳng còn! Sau đây, lập tức nghĩ đến chính mình, bản thân chúng ta cũng chiếm một khoảng ngắn trong dòng thời gian dài dằng dặc. Có người thời gian ngắn một chút, ba bốn mươi tuổi đã mất, thời gian ngắn chùn! Có người thời gian dài hơn một chút, nhưng bảy tám mươi tuổi cũng đi. Cổ nhân Trung Quốc nói người ngoài bảy mươi tuổi là: “*Nhân sanh thất thập cổ lai hy*” (người bảy mươi tuổi xưa nay hiếm), người trên bảy mươi chẳng nhiều lắm, người chưa đến bảy mươi đã mất rất nhiều. Do vậy, chúng ta phải hiểu toàn là rỗng tuếch. Nếu toàn là rỗng tuếch, ở đây, “*bất khả thủ*” (chẳng thể chấp lấy) là “*đừng chấp tướng*”. Chấp tướng là sai mất rồi! Đối với những tướng ấy, chớ nên chấp trước, chớ nên phân biệt. Đại Thừa Bồ Tát không chỉ chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mà đối với hết thấy các tướng đều chẳng khởi tâm, không động niệm, hạng người nào vậy? Kinh nói những vị đại sĩ, các vị Bồ Tát, được gọi là cao nhân, các Ngài chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng có phiền não, chẳng tạo nghiệp, vô cùng cao minh. Các Ngài trọn chẳng bỏ tướng, vì sao? Chẳng cần thiết! Tướng là huyền tướng, đều là chẳng thật. Đã hiểu rõ, đối với những tướng ấy, chẳng

khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, những vị ấy là Phật, là Pháp Thân Bồ Tát. Khi đó, chẳng gọi là Không, mà gọi là Vô Tướng. Thấy những tướng ấy, chẳng dùng danh từ Không, mà dùng chữ Vô Tướng.

Tiếp đó, chúng ta biết tướng là giả. Do tướng là giả, chớ nên có những “*tác vi*” (tạo nghiệp) khiến phải sanh trong tam giới. Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, đó là nói tới lục đạo luân hồi, chớ nên có những tác vi trong lục đạo. “*Tác vi*” là gì? Làm thiện, làm ác, làm vô ký (chẳng thiện, chẳng ác). Khoan nói đến vô ký, chúng ta chỉ bàn về thiện và ác, chớ nên tạo tác. Nếu quý vị làm lành, sẽ là ba thiện đạo, quả báo ở trong ba đường lành. Nếu quý vị tạo nghiệp bất thiện, quả báo ở trong ba đường ác, [nhưng làm lành hay làm ác] đều là tạo nghiệp luân hồi. “*Bất ưng hữu sở tác*” (chớ nên có tác vi) là gì? Học theo Phật, Bồ Tát. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thị hiện trụ trong thế gian này tám mươi năm, người ngoại quốc nói là bảy mươi chín tuổi, nói theo tuổi thật, người Trung Quốc nói theo “*hu tuế*” (tuổi ta) là tám mươi tuổi, cũng là sống một khoảng thời gian dài ngắn ấy. Quý vị thấy Ngài có thể “*làm mà chẳng làm, chẳng làm mà làm*”, đó là đúng. Suốt cả một đời là như thế nào? Chẳng tạo nghiệp, chẳng tạo ác nghiệp, thiện nghiệp cũng không tạo, cao lắm! Ngài chẳng luân hồi. Trong phần trước, chúng tôi đã nói với quý vị về mười hai nhân duyên. Trong mười hai nhân duyên, Ái, Thủ, Hữu là tạo nhân trong một đời này, các Ngài có bản lãnh. Quý vị thấy: Biểu hiện Ái, biểu hiện Thủ, nhưng sau đó chẳng có Hữu. Đó là chuyện như thế nào? Vị ấy chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đó là Tiểu Thừa. Nếu vị ấy chẳng khởi tâm, không động niệm thì là Đại Thừa. Chúng ta có thể lý giải vì sao các Pháp Thân Bồ Tát chẳng tạo nghiệp. Pháp Thân Bồ Tát ai nấy đều là bậc minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, các Ngài có thể hằng thuận chúng sanh, hòa quang đồng trần cùng chúng sanh, chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước. Biểu hiện giúp đỡ chúng sanh bằng vô tận phương tiện thiện xảo. Giúp đỡ chúng sanh, thành tựu chúng sanh; trong ấy, quan trọng nhất là khơi gợi, dẫn dắt chúng sanh, giúp họ khai trí huệ, khiến cho họ dần dần giác ngộ. Chưa thể giác ngộ thì kéo họ tới gần giác ngộ; rất gần với giác ngộ, giúp cho họ hoát nhiên đại ngộ. Các vị Phật, Bồ Tát có năng lực như thế, xác thực là trong tự tánh tỏ lộ trí huệ và đức năng. Nếu nghiệp chướng của chúng ta không quá nặng, sau khi gặp gỡ, chắc chắn sẽ thành tựu trong một đời. Kẻ nghiệp chướng sâu nặng gặp gỡ, phải tiêu trừ nghiệp chướng trên một mức độ lớn. Chúng ta dùng mười hai nhân duyên để nói thì: Về biểu hiện, bèn có Ái và Thủ, nhưng chẳng phân biệt, chấp trước; khi ấy, gọi là Vô Tác. Trong Phật pháp thường nói: “*Làm mà chẳng làm, chẳng làm mà làm*” chính là ý nghĩa này. Chẳng làm, nhưng có làm thì vẫn là không làm, vô nguyện mà! Nguyện và Tác có cùng một ý nghĩa.

“*Thí như thành hữu tam môn*” (Ví như cái thành có ba cửa). Một người là một thân thể, chẳng có cách nào cùng một lúc vào cả ba cửa, muốn vào chỉ có thể theo một cửa.

“*Chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp) được tỷ dụ là “*Niết Bàn thành*”. “*Thành hữu tam môn: Không, Vô Tướng, Vô Tác. Nhược nhân nhập Không môn, bất đắc thị Không, diệc bất thủ tướng*” (thành có ba cửa: Không, Vô Tướng, Vô Tác. Nếu người theo cửa Không mà vào, chẳng thấy là Không, cũng chẳng chấp tướng). Tốt lắm, theo cửa Không để vào. “*Bất đắc thị Không*” là chẳng chấp trước Không, “*diệc bất thủ tướng*” là chẳng chấp Có, trong phần trước nói là “*chẳng trụ vô vi, chẳng trụ hữu vi*”. “Vi” (為) là làm. “*Chẳng chấp trước vô vi*” là chẳng chấp trước Không; “*chẳng chấp trước hữu vi*” là chẳng chấp trước Có. Hai bên Không và Có đều chẳng chấp trước, người ấy đã tiến nhập. Nhập là gì? Đã khai ngộ, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Do vậy, đối với hai môn sau là Vô Tướng và Vô Nguyện, chẳng cần phải quan tâm tới, vì đã vào được cửa rồi! Chỉ cần nhập một môn, môn nào công đức cũng viên mãn, thành tựu viên mãn.

“*Nhược nhân nhập Không môn thủ tướng đắc thị Không*”, [nghĩa là] [người ấy] theo cửa Không để vào bèn chấp Không, chấp lấy tướng “đã đắc Không”, người ấy là ai? Tiểu Thừa A La Hán, hoặc Tiểu Thừa Bích Chi Phật, họ đích xác là như thế, cho nên [cảnh giới họ chứng đắc] gọi là Thiên Chân Niết Bàn, chấp trước Không! Niết Bàn ấy chẳng phải là Niết Bàn thật sự, chấp trước Không mà! Hàng Nhị Thừa chấp Không, Quyền Giáo Bồ Tát chấp Có. Quyền Giáo Bồ Tát tức là Bồ Tát trong mười pháp giới. Chấp Có, bèn chẳng có cách nào chứng Đại Bát Niết Bàn. Thanh Văn và Duyên Giác chứng Tương Tự Tiểu Niết Bàn, tự cho là đã tiến nhập ba giải thoát môn, nhưng do chấp vào tướng “tiến nhập”, nên chẳng có tác dụng! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật gọi chấp tướng là “*hàm vô vi*”. Hàng Tiểu Thừa rớt vào hàm vô vi, nhưng họ có thể thoát ra. A La Hán chậm lụt hơn, phải hai vạn kiếp mới hồi Tiểu hướng Đại, thoát ra. Chỉ cần chẳng chấp trước bèn thoát ra. Duyên Giác thông minh hơn, một vạn đại kiếp bèn giác ngộ, cũng thoát ra. Vừa thoát ra, Ngài bèn thành Bồ Tát, thuộc tầng thứ ba trong bốn thánh pháp giới. Tầng cao nhất là Phật. Thiên Thai đại sư gọi vị Phật ấy là Tương Tự Tức Phật, chẳng phải là Chân Phật, mà là tương tự. Vì sao chẳng phải là chân Phật? Phật và phàm phu khác biệt [ở chỗ]: Phật dùng chân tâm, phàm phu dùng vọng tâm, tức là dùng A Lại Da, ngữ A Lại Da là chân tâm. Phật và Bồ Tát trong bốn thánh pháp vẫn dùng A Lại Da, cũng có thể nói là chưa thể “*chuyển tám thức thành bốn trí*”. Nếu thật sự chuyển được, chuyển biến A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, sẽ là chân Phật, chẳng phải là giả Phật! Hễ chuyển, mười pháp giới chẳng còn nữa! Chư vị phải biết vì sao? Mười pháp giới do A Lại Da biến, A Lại Da vừa chuyển thành Đại Viên Kính Trí, cái nhân chẳng còn, nhân của mười pháp giới bèn đoạn. Do vậy, họ từ mười pháp giới tỉnh ngộ, giống như nằm mộng, đã tỉnh mộng rồi! Tỉnh ngộ là cảnh giới gì? Là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, thật sự đã thành Phật; lúc ấy, Thiên Thai đại sư gọi người đó là Phần Chứng Tức Phật.

Sau đó còn có [những quả vị] viên mãn hơn, người ấy chưa chứng đắc viên mãn, viên mãn là Thường Tịch Quang. Người ấy phải đợi một thời gian trong cõi Thật Báo, ở trong ấy để làm gì? Chờ cho tập khí vô thi vô minh tự nhiên tiêu trừ. Ở đây, chẳng có phương pháp! Nếu nói ta dùng phương pháp gì để diệt trừ tập khí vô minh, thì vừa động niệm bèn hỏng mất rồi, lại mê rồi! Vì thế, trong cảnh giới ấy, cứ để mặc nó. Sau một thời gian dài, sẽ tự nhiên chẳng còn nữa! Phải mất thời gian bao lâu? Kinh Đại Thừa nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vì thế, ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói gì khác, mà là nói về chuyện này, tính từ ngày đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh! Tức là nói: Tính từ lúc quý vị chứng đắc địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, tính từ lúc quý vị sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tập khí tự nhiên chẳng còn nữa. Bồ Tát khi đó, trong kinh này cũng có một thuật ngữ là “*vô công dụng đạo*”, trong Tông môn gọi là “*thử xư dụng bất đắc lực*” (ở nơi đây, sử dụng chẳng đắc lực), chẳng có cách nào ra sức, có muốn cũng chẳng thể được, nó tự nhiên sẽ chẳng còn. Thật sự đoạn vô minh phiền não, thật sự chẳng khởi tâm, không động niệm. Vì thế, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, nói theo thực tế là pháp giới bình đẳng, thật sự bình đẳng, trí huệ, thần thông, đạo lực đều bình đẳng, một chút tập khí vô thi vô minh chẳng trở ngại sự. Trong cảnh giới ấy, Bồ Tát còn có sự hay không? Có chứ! Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, vị ấy có đến nghe hay không? Đến làm Ảnh Hưởng Chúng, đó là Sự. Ngài đến thế giới này để nghe kinh, đến đi tự tại. Đồng thời, nếu Ngài và chúng sanh có duyên, Ngài bèn có thể ứng theo khả năng hiểu biết của chúng sanh; đó là “Sự” của Ngài. Tuy có vô lượng vô biên sự, Ngài chẳng hề khởi tâm động niệm; đó là Vô Tác. Chẳng làm mà làm, làm mà chẳng làm!

Tuy cảnh giới ấy cách biệt chúng ta rất xa, nhưng chúng ta biết. Trong kinh, chúng ta đã nghe đức Phật dạy như thế, chúng ta đã hiểu rõ, đã nghe hiểu. Đã nghe hiểu, sẽ có ích rất lớn cho sự tu hành của chúng ta. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải học tập, bất luận làm chuyện gì, chúng ta đều có tập khí, phải học như thế nào? Tập khí của chúng ta nhạt bớt một chút thì tốt! Mỗi năm một nhạt bớt hơn, điều này cũng rất đắc lực. Nếu có thể là mỗi tháng một nhạt bớt hơn, quý vị sẽ nhanh chóng đạt đến cảnh giới thành công. Đặc biệt là phải cảnh tỉnh chính mình, chính mình phải có tánh cảnh giác; trong hết thảy các cảnh giới, chớ nên có tình chấp quá nồng đậm, đó chẳng phải là chuyện tốt đẹp, mà là nghiệp chướng. Phải dần dần nhạt bớt tình chấp, phải dùng Phật pháp để cảm hóa người nhà, quyến thuộc. Chúng ta tu rất khá, một nhà hòa thuận, một nhà hoan hỷ. Người khác thấy quý vị rất vui vẻ, tự nhiên hướng về quý vị học tập. Đối với những chuyện chẳng đúng pháp của họ, quý vị phải có phương tiện thiện xảo, chớ nên nói “chẳng quen nhìn”, quý vị đang tạo tội nghiệp đấy! Nhất là quý vị học Phật, ăn chay, họ vẫn còn ăn thịt, chớ nên chướng ngại họ, hãy tùy thuận, họ sẽ vui vẻ. Nếu quý vị phê bình họ, trong tâm họ rất khó chịu, họ và quý vị trở thành hai phía đối lập, sai mất rồi! Hãy làm cho họ dần dần tự giác ngộ, quay đầu.

Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến kết thúc, tôi đến Đài Loan, đến một mình. Tại Đài Loan, gặp gỡ Phật pháp, cũng xuất gia tại Đài Loan, thưở ấy cũng giảng kinh khắp nơi trên đảo Đài Loan. Năm 1977, tôi đến Hương Cảng giảng kinh lần đầu, kết pháp duyên với đồng tu Hương Cảng. Hình như là vào năm Dân Quốc 82 (1993) hay năm 83 (1994), tôi bắt được liên lạc với người nhà. Gián đoạn suốt ba mươi sáu năm, ba mươi sáu năm chẳng có tin tức, nay biết mẹ và em trai vẫn còn. Một năm sau đó, tôi đến Hương Cảng giảng kinh [lần nữa], bảo họ đến Hương Cảng, mẹ và tôi gặp mặt, gián đoạn suốt ba mươi sáu năm, lần đầu tiên gặp lại tại Hương Cảng. Bà thấy tôi đã xuất gia, thấy tôi giảng kinh thính chúng đông đảo, cũng rất hoan hỷ. Tại Hương Cảng, chúng tôi ở tại Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán do lão pháp sư Đàm Hư sáng lập, buổi tối tôi giảng kinh ở đó. Bữa trưa cũng dùng cơm tại đó. Tôi hỏi mẹ tôi muốn ăn gì? Bà muốn ăn cá. Tôi dặn nhà bếp mỗi ngày chưng cho bà hai con cá nhỏ. Bà ở đó suốt một tuần, thấy tình hình của chúng tôi như vậy, tôi chẳng khuyên bà ăn chay, mà kể với bà những điều tốt đẹp trong Phật pháp, khuyên bà niệm A Di Đà Phật, đương nhiên có thể ăn chay là tốt nhất. Tôi nói với mẹ: “Con đã ăn chay vài chục năm rồi, thân thể rất khỏe”. Sau khi bà trở về Thượng Hải, bà ở nhà em trai tôi, họ sống tại Thượng Hải, sau khi quay về, bà đã ăn chay trường. Tốt lắm! Chớ nên khuyên, khuyên sẽ gây ác cảm. Vì thế, nhất định phải dùng lòng quan tâm, yêu thương để giúp đỡ họ, dần dần chuyển biến họ. Người bình thường chẳng biết lợi ích do ăn chay, nghĩ ăn chay bị thiếu dinh dưỡng, đó là quan niệm sai lầm. Chúng ta biết lợi ích của sự ăn chay, ăn chay khỏe mạnh. Đã nhiều năm qua, nhất là trong mười mấy năm gần đây, chúng tôi mở rộng phạm vi hoạt động, tham dự hội nghị hòa bình quốc tế của Liên Hiệp Quốc, đi khắp nơi, quen biết rất nhiều bằng hữu mới. Trong nhiều năm qua, vấn đề nóng bỏng nhất mỗi khi bạn bè tụ hội là họ hay hỏi tôi cách bảo dưỡng thân thể như thế nào? Mọi người đều hỏi chuyện này, có thể thấy họ rất quan tâm thân thể. Tôi bảo họ, có hai phương pháp bảo dưỡng thân thể: Một là tâm thanh tịnh, hai là ăn chay. Tôi nói: “Quý vị hỏi tôi, thì tôi bảo dưỡng như vậy đó, chẳng dùng bất cứ loại thuốc bổ nào, mà cũng chẳng có thuốc men gì! Cuộc sống của tôi rất đơn giản, lại còn ăn rất ít, không ăn vặt, không có thói quen ăn vặt!”

Năm xưa, tôi học Giáo với thầy Lý tại Đài Trung, đã từng giữa trưa ăn một bữa suốt năm năm, chỉ ăn một bữa. Thầy Lý mỗi ngày ăn một bữa, thầy ăn suốt mấy chục năm, thân thể khỏe mạnh! Lúc thầy tám mươi tuổi, quý vị thấy thầy giống như người năm sáu mươi tuổi, chẳng nhìn ra tuổi thầy. Bọn học sinh chúng tôi ước đoán thầy có thể sống đến một trăm hai mươi hay một trăm ba mươi tuổi, mọi người cùng có cách nhìn ấy. Thầy mất lúc chín mươi bảy tuổi, vì sao mất? Trúng độc vì đồ ăn, điều này rất oan uổng! Thầy do bị trúng độc đồ ăn mà ra đi. Vì thế, khi thầy ngã bệnh, tôi đến thăm thầy, thầy dặn dò, nhắc nhở tôi rất nhiều lượt: “Đừng ăn thứ gì ngoài tiệm, những thứ trong tiệm chẳng sạch”. Bản thân thầy là một vị thầy thuốc giỏi; chính vì là một thầy thuốc giỏi nên thầy bị hại. Vì người ta tặng thầy thức ăn gì, thầy có thói quen ăn hết trước mặt người ấy khiến cho người

ta hoan hỷ. Thầy là người Sơn Đông, thích ăn những thứ làm bằng bột mì. Trúng độc lần thứ nhất, thầy biết, trong từng vắt mì sợi đều có bỏ thuốc chống hư, đã khô rồi, đại khái là đã để quá lâu, quá hạn rồi! Các đồng học thiếu kiến thức thông thường, đem nấu mời thầy ăn. Thầy ngửi mùi, biết ngay là có vấn đề, nhưng vẫn ăn. Sau khi ăn xong, quay về bèn uống thuốc giải, thật sự giải được chất độc ấy. Còn như chúng ta không hiểu, chẳng dám ăn. Thầy ăn xong có thể uống thuốc giải. Sau nửa năm, lại bị một lần nữa, cũng gặp tình hình ấy, thầy cũng ăn như vậy. Khi trở về uống thuốc giải thì chẳng kịp nữa, chất độc đã khuếch tán, khuếch tán rất nhanh; rốt cuộc là do tuổi đã cao, chín mươi bảy tuổi rồi, thầy sơ sót điếm này!

Vì thế, đối với phương diện ẩm thực, thầy đặc biệt nhắc nhở những kẻ trẻ tuổi chúng ta phải chú ý: Hễ mùi vị biến đổi đôi chút, đừng nên ăn! Đặc biệt là những thứ như đậu hủ, đã có mùi chua, mùi vị đã biến đổi, chớ nên ăn! Trợn chẳng phải hoang phí thực phẩm. Nếu lúc quý vị phát tâm, thứ đã có mùi chua, đã hư rồi, nhưng vẫn ăn, chẳng dám không ăn, sợ không ăn là lãng phí, có lẽ sẽ phạm lỗi phung phí lương thực, sai rồi! Sợ phung phí lương thực, nếu quý vị ăn vào sanh bệnh, thậm chí tử vong, vẫn chấp nhận thì sai mất rồi. Đức Phật chẳng dạy người ta như vậy. Thuở đức Phật tại thế, khi khát thực được thứ gì, phải ăn hết ngay trong hôm ấy. Nếu ăn không hết, bèn cho chim, thú ăn, bỏ thí cho súc sanh, không thể ăn những thứ để qua đêm. Đó là giới luật nhà Phật. Vì trong quá khứ chẳng có tủ lạnh, không thể ăn những thứ để qua đêm. Vì thế, chúng tôi nghĩ lời răn dạy của đức Phật hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đối với cuộc sống khỏe mạnh của bọn phàm phu chúng ta, đức Phật hết sức quan tâm. Chúng ta phải nghĩ một tăng đoàn đông như thế, hơn một ngàn người thường theo Ngài, đó là Thường Tùy Chúng; [ngoài ra] còn có những vị tạm thời tham gia, chúng tôi phỏng đoán, tuyệt đối chẳng thể ít hơn ba ngàn người, thường theo hầu bên cạnh lão nhân gia.

Điều được giảng ở đây cũng là một pháp môn hết sức trọng yếu, chúng ta hãy vận dụng linh hoạt trong cuộc sống. Quán Không hết sức trọng yếu, hãy thường nghĩ kinh Kim Cang đã dạy: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, hoặc nghĩ kinh Đại Bát Nhã đã nói: *“Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc”*. Trong lúc lợi danh bày ra trước mặt mà chúng ta động tâm, hãy niệm những câu ấy nhiều lượt thì ý niệm vừa nghĩ ấy, tức là ý niệm vọng tưởng sẽ ngưng dứt. Có những kẻ nghiệp chướng nặng nề, khi danh lợi hiện tiền, bèn quên bẵng Phật, chẳng nghĩ tới nữa. Vì thế, phải có lòng cảnh giác cao độ, hễ cảnh giới hiện tiền, cổ nhân nói: *“Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”*, phải giác ngộ nhanh chóng, ta có thể ngưng dứt, chẳng tạo nghiệp nữa!

Từ Không môn, người ấy chấp trước Không, *“u thị nhân bất vi môn, thông đồ cánh tác”* (do vậy, môn ấy chẳng thích hợp cho người đó, đường thông hóa nghẽn), tức là đọa trong “hàm vô vi”. Đối với người ấy mà nói thì Không chẳng phải là môn để kẻ ấy ngộ

nhập, vì kẻ ấy chấp trước Không. Chấp trước Không, bèn gặp ngay chướng ngại, “*tắc*” (塞) là chướng ngại. “*Nhược trừ Không tướng*” (nếu trừ tướng Không), người ấy có thể buông tướng Không xuống, biết tướng Không cũng là bất khả đắc, tướng Không cũng là duyên sanh. “*Thị thời tùng Vô Tướng môn nhập*” (khi ấy bèn theo cửa Vô Tướng để vào), có thể được! Chỉ cần chẳng chấp trước Không là được, có thể chứng quả A La Hán, hoặc có thể chứng quả Bích Chi Phật. “*Nhược u Vô Tướng tướng*” (nếu đối với tướng Vô Tướng), người ấy biết tướng Vô Tướng, nhưng chấp trước, chấp gì vậy? Chấp vào tướng Vô Tướng thì cũng không được; chỉ cần có chấp trước tức là sai lầm mất rồi. “*Tâm trước sanh hý luận*” (tâm chấp trước, sanh ra hý luận), chấp vào tướng Vô Tướng có thể sanh ra hý luận. Hý luận là nói giỡn chơi, chẳng phải là sự thật. “*Thị thời trừ Vô Tướng tướng*” (khi ấy, trừ bỏ tướng Vô Tướng), cũng có thể buông tướng Vô Tướng xuống, tâm thanh tịnh hiện tiền, đó gọi là “*Vô Tác môn*”. Đây là nói ba loại người có căn tánh khác nhau, đều có thể nhập ba môn giải thoát trong Tiểu Thừa.

Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích: “*Cái vị Không, Vô Tướng, Vô Nguyện*” (ấy là nói Không, Vô Tướng, Vô Nguyện), sánh ví những môn ấy như cửa nẻo. “*Do thủ pháp môn, khế nhập chư pháp Thật Tướng chi Niết Bàn thành*” (do pháp môn này mà khế nhập thành Niết Bàn Thật Tướng của các pháp), Thật Tướng của các pháp là Pháp Tánh, “*khế nhập*” là minh tâm kiến tánh, tỷ dụ minh tâm kiến tánh giống như thành Niết Bàn. “*Nhược nhân tùng Không môn nhập, diệc bất kiến Không tướng*” (nếu người theo cửa Không để vào, cũng chẳng thấy tướng Không), trực nhập như vậy, từ Không môn nhập mà chẳng chấp trước Không, đó mới là thật sự chứng nhập. Nếu có Không để đắc, thì cái “*đắc Không*” ấy là chấp tướng! “*Nhược đắc Không tướng*” (nếu đắc tướng Không), tức là quý vị chẳng thể nhập! Cái Không ấy là chấp trước; do đã chấp vào Không, quý vị chẳng thể chứng nhập. “*Nhược trừ Không tướng*” (nếu trừ tướng Không), đó là “*tùng Vô Tướng môn nhập*” (từ Vô Tướng môn để vào), Vô Tướng vẫn là Không môn. Thay đổi danh từ, vì trước đó, quý vị đã chấp vào tướng Không, nay đã giác ngộ, tướng Không cũng buông xuống, nên gọi là “*tùng Vô Tướng môn nhập*”. “*Thẳng trước u Vô Tướng chi tướng, tức Vô Tướng tướng*” (nếu chấp vào tướng của Vô Tướng thì đó chính là tướng Vô Tướng), quý vị chấp vào Vô Tướng, chấp vào tướng Vô Tướng, điều này rất vi tế, như vậy là quý vị đã vướng vào tướng của Vô Tướng, cũng chẳng thể nhập, cũng nảy sanh chướng ngại. Ất cũng phải diệt trừ tướng Vô Tướng, đây chính là “*tùng Vô Tác môn trực nhập thủ thành*” (từ cửa Vô Tác, vào thẳng thành này). Vô Tác cũng là Vô Nguyện thì mới có thể trực nhập Thật Tướng của các pháp. “*Cổ viết: Nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn*” (nên nói là “*nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn*”). Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều có ba môn giải thoát ấy, tức là ba thứ đường lối để giải thoát, chỉ là nghĩa lý cạn hay sâu khác nhau! Hoặc là từ Không để nhập, hoặc từ Vô Tướng để nhập, hoặc từ Vô Nguyện để nhập, đều có thể thành tựu.

Thông thường, trong học tập kinh giáo, chúng tôi nói đơn giản hơn mà cũng rất rõ ràng, chẳng đi vòng vèo như vậy. Đức Phật dạy chúng ta, người thượng thượng căn thiện căn sâu dày, có thể đồng thời buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, trong Phật pháp gọi điều này là “đốn xả”. Xả là buông xuống, đốn tu, đốn ngộ, đốn chứng. Ý niệm vừa chuyển, phàm phu bèn thành Phật. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật đã vì chúng ta biểu diễn cảnh giới này. Vào đời Đường, Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông đã vì chúng ta biểu diễn, cũng là chuyện này, tuyệt đối chẳng phải là kẻ bình phàm có thể làm được! Bản thân kẻ bình phàm hiểu rất rõ, phiền não, tập khí nặng nề đường ấy, muốn đoạn mà chẳng đoạn được, vì sao người ta ngay lập tức đoạn được? Hễ đoạn, bèn vĩnh viễn đoạn trừ. Do làm không được, bèn biết chúng ta chẳng phải là bậc thượng thượng căn. Không chỉ là chúng ta chẳng có phần nơi thượng thượng căn, mà đối với thượng căn, chúng ta cũng chẳng sánh bằng. Nói thực tại, chúng ta là kẻ trung hạ căn, phải hiểu rõ điều này. Kẻ trung hạ căn thì phải buông xuống từng chút một. Quý vị không buông xuống, sẽ chẳng vào được cửa, mà cũng chẳng thể quay đầu, nhất định phải buông xuống!

Buông xuống, phải từ ngoài vào trong; trước hết, hãy buông xuống từ bên ngoài. Khi mê là từ trong ra ngoài, khi buông xuống thì phải từ ngoài vào trong. Tầng ngoài cùng nhất là lục đạo. Lục đạo hình thành như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy hình thành lục đạo luân hồi. Lục đạo do chính mình tạo, vốn chẳng có lục đạo. Lục đạo chẳng do Phật tạo, mà cũng chẳng do Thượng Đế tạo, cũng chẳng do vua Diêm La tạo, mà do tự tánh biến hiện, do khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, kinh Hoa Nghiêm dạy như vậy. Như thế nào thì mới có thể thoát ly lục đạo? Buông chấp trước xuống bèn thoát ly, cũng có nghĩa là trong cuộc sống hằng ngày, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chúng ta chớ nên chấp trước. Chúng ta rốt cuộc là căn tánh gì? Căn tánh trung hạ chúng ta vẫn chẳng làm được! Nói thật thà, chúng ta là căn tánh hạ hạ, nghiệp chướng quá nặng. Phải học buông xuống từng chút một, phải buông xuống mỗi ngày, phải buông xuống mỗi tháng, phải buông xuống mỗi năm. Quý vị buông xuống càng nhiều, tín tâm sẽ dần dần sanh khởi, vì sao? Tâm thanh tịnh, phiền não ít đi, trí huệ hiện tiền. Phiền não ít, trí huệ sanh, khá lắm! Quý vị sẽ có tín tâm đối với sự buông xuống, cuộc sống ngày càng tự tại hơn.

Nói cụ thể, buông xuống là gì? Buông xuống là bỏ thí, bỏ thí là buông xuống. Chúng ta tham luyến tài sản, bỏ chẳng được để buông xuống, phải học! Học buông xuống! Đối với vật ngoài thân, phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Buông ra, [bèn lo lắng, bản thân ta] chẳng có gì nữa thì sẽ ra sao? Đừng lo lắng! Bởi lẽ, ở đây, nhân quả sẽ giúp đỡ chúng ta. Trong mạng ta đã có, càng buông ra, sẽ càng có nhiều. Chớ nên nói “càng buông ra, sẽ không có nữa”, chẳng thể nào! Đó là vi phạm nguyên tắc nhân quả. Khẳng định là càng buông ra, sẽ càng nhiều, càng nhiều, càng buông ra, quyết định chớ nên tích lũy.

Trong kinh Đại Thừa lần Tiểu Thừa, đức Phật đã dạy: “*Tích tài táng đạo*” (tích lũy tiền của, đạo bị chôn vùi). Vì sao người tu hành không thể thành tựu? Lúc chẳng có tiền tài, buông xuống còn khá dễ dàng, dù sao cũng đâu có gì! Khi càng có tiền, càng chẳng nỗ bỏ thì; vì thế, kẻ ấy thoái chuyển! Tài sản thật sự hại người, hại quý vị chẳng thể khai ngộ, hại quý vị chẳng thể chứng quả, thậm chí hại quý vị chẳng thể vắng sanh, quý vị nói xem: Có phiền phức hay không?

Phải buông tài xuống, pháp cũng phải buông xuống. Quý vị thấy ở đây nói đến tướng Không, đều là pháp. Tướng Vô Tướng cũng là pháp. Nếu quý vị chẳng buông xuống, sẽ nảy sanh chướng ngại, chẳng có cách nào đắc quả Nhị Thừa. Nó là pháp, pháp cũng phải buông xuống. Buông pháp xuống, đắc thông minh, trí huệ. Vì thế, Phật, Tổ dạy chúng ta: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Ta chỉ nắm lấy một môn, toàn bộ những môn khác đều buông xuống. Buông xuống là gì? Ta đi đến cùng một môn này thì toàn bộ đều đạt được, nguyên lai là chuyện như thế đó. Nếu không buông xuống thì sao? Khi không buông xuống, từ đầu đến cuối, quý vị chẳng đạt đến đích, thứ gì quý vị cũng chẳng đạt được. Quý vị thấy đó, buông của cải xuống bên được của cải, buông hết thấy các pháp xuống bên được thông minh, trí huệ. Còn phải có tâm từ bi giống như Phật, Bồ Tát, tâm từ bi sẵn có trong tự tánh, thấy người khác gặp khổ nạn, nhất định phải giúp đỡ. Đó là gì? Đó là tu vô úy bố thí, khiến cho hết thấy khổ nạn chúng sanh lìa khỏi sợ hãi. Vì vậy, các đồng học phát tâm, muốn lập cô nhi viện hay mở viện dưỡng lão, đó là chuyện tốt, đó là gì? Đó là vô úy bố thí, quả báo là khỏe mạnh, sống lâu. Quý vị có thể chăm sóc kẻ khác đang bệnh khổ, có thể giúp đỡ người khác giác ngộ. Chẳng giác ngộ là chuyện khổ sở, là cội nguồn của hết thấy các nỗi khổ. Giúp đỡ người khác giác ngộ là trừ dẹp cội nguồn khổ, trừ dẹp cội rễ của khổ và lạc, chuyện này thuộc về đại vô úy bố thí, quả báo thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

Những Lý mà đức Phật đã nói trong kinh giáo là chân lý, Sự là thật sự, thực tại, chẳng hư giả mảy may! Chúng ta học tập, tôi đã trải qua năm mươi chín năm, chứng thực chẳng giả tí nào! Xã hội hiện thời động loạn, tai nạn trên địa cầu nhiều ngàn ấy, chúng ta thấy rõ ràng. Thấy gì? Biết do nhân gì, do nguyên nhân gì tạo thành nông nỗi ấy, cũng hiểu rõ nên dùng phương pháp gì để đối đãi. Giải quyết những tai nạn trên địa cầu chẳng khó, ngay cả các tinh cầu vận hành trong vũ trụ, quỹ đạo bị sai lệch, chúng ta cũng đều có cách khiến cho chúng khôi phục bình thường, những tai nạn nhỏ nhất trên địa cầu thấm vào đâu! Quý vị nhất định phải biết: Tất cả hết thấy tai nạn đều do tâm hạnh chẳng lành cảm vờ! Nếu chuyển biến tâm thái, tai nạn sẽ lập tức tiêu trừ. Ở chỗ này, nhất định phải trước hết là hiểu rõ ràng, minh bạch lý luận và chân tướng sự thật. Vì quý vị chẳng hiểu rõ, tín tâm chẳng thể sanh khởi! Tín tâm chẳng sanh khởi, ý niệm của quý vị chuyển biến, dầu có chuyển, nhưng chẳng kiên cố, vẫn còn có hoài nghi. Nỗi hoài nghi ấy phá hoại thiện niệm

của quý vị, dầu chẳng thể phá hoại hoàn toàn, nhưng đã giảm bớt năng lượng ấy trên một mức độ lớn. Chỉ có tín tâm kiên định, chẳng có mảy may hoài nghi thì sức mạnh ấy sẽ khiến cho con người hết sức kinh ngạc!

Do vậy, những báo cáo nghiên cứu của các nhà khoa học cận đại có ích rất lớn đối với sự tu học của chúng ta. Những Lý và Sự giống như thế này được họ nói rất rõ ràng, chúng ta vừa nhìn vào liền hiểu rõ, kinh Phật vốn đã nói tới [những chuyện ấy] từ ba ngàn năm trước, nhưng chúng ta do dự, chẳng quyết đoán, chẳng dám sử dụng. Khoa học hiện thời vừa chứng minh, chẳng còn bàn cãi chi nữa, giúp chúng ta đoạn nghi, sanh tín. Đối với sự thành tựu trong một đời này của chúng ta, đặc biệt là thành tựu trong niệm Phật vãng sanh, tín tâm vẹn mười. Niệm niệm chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có thế giới Cực Lạc là nhà của chúng ta, A Di Đà Phật là vị thầy, là gia trưởng của chúng ta. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là trở lại quê nhà, đúng vậy, chẳng giả! Há lẽ nào chẳng có phần? Nói chung, quê nhà luôn có phần của chúng ta, vấn đề là quý vị có nhận biết hay không? Người Hoa nói: *“Lang thang rất lâu ở bên ngoài, nay đã nhận biết tổ tiên, trở về nguồn cội”*. Vãng sanh thế giới Cực Lạc là *“nhận biết tổ tiên, trở về với cội nguồn”*, đúng thế, chẳng giả! Trước kia, đúng là đã mê mất, nay quý vị đã có tín tâm kiên định, lẽ nào chẳng thành tựu? Chúng ta học đoạn Tam Không tam-muội này tới đây.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo: *“Thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”* (khéo lập phương tiện, bày rõ tam thừa). Đây là lợi tha, phần trước là tự lợi, [trong phần này], chính mình đã thành tựu, bèn muốn giúp đỡ người khác. Giúp đỡ người khác thì phải khéo lập phương tiện. *“Hiển thị tam thừa”* thì mới có thể khế cơ; căn tánh như thế nào thì chúng ta và Bồ Tát giống hệt, phải dùng phương pháp gì để đối trị. *“Phương giả, phương pháp”* [nghĩa là] *“phương”* là phương pháp. *“Tiện giả, tiện dụng”*, [nghĩa là] Tiện là thuận tiện, mang ý nghĩa ấy. Chúng ta nói phương pháp tiện lợi là phương pháp thích hợp nhất, là phương pháp hay khéo nhất, là phương pháp tốt nhất, có ý nghĩa ấy. Phương pháp tốt nhất, hay khéo nhất chẳng có nhất định, do mỗi người mà khác nhau, do mỗi thời mà khác biệt, do mỗi sự mà không giống nhau. Đó là trí huệ, trong Phật pháp dùng một danh từ khác là *“phương tiện thiện xảo”*, phải thêm vào chữ *“thiện xảo”*. Bởi lẽ, có trí huệ thì mới biết dùng.

“Pháp Hoa Văn Cú viết: Phương giả, pháp dã. Tiện giả, dụng dã” (Sách Pháp Hoa Văn Cú nói: “Phương là cách thức, Tiện là sử dụng”). Đây là cách giải thích của cổ đức. Trong sách Pháp Hoa Huyền Tán có nói: *“Thi vi khả tắc viết Phương, thiện đậu cơ nghi viết Tiện”* (Thực hiện đáng làm khuôn mẫu thì gọi là Phương. Khéo phù hợp cơ nghi là Tiện). *“Thi vi”* (施為) là *“thiết thi, tác vi”* (設施作為: lập bày ra cách thức để thực hiện), có thể nêu gương tốt cho đại chúng noi theo thì gọi là Phương. Chỗ này nói nghiêm ngặt hơn trong phần trước đôi chút; phần trước là nghĩa rộng, ở đây nói theo nghĩa hẹp. Hết thấy

các hành vi, hoạt động của chư Phật, Bồ Tát đều có thể nêu gương tốt cho chúng sanh, điều đó gọi là Phương trong Phật môn. “*Thiện đẩu cơ nghi*” (善逗機宜: Khéo phù hợp cơ nghi), Cơ (機) là [căn cơ của] hết thảy chúng sanh. Quý vị rất xảo diệu, khiến cho hết thảy chúng sanh dùng phương pháp ấy đều hết sức hoan hỷ, đều nghiêm túc học tập, chẳng cảm thấy khó khăn, đó gọi là “*tiện lợi*”. Trong Pháp Hoa Nghĩa Sớ có nói: “*Phương tiện thị thiện xảo chi danh*” (Phương tiện là tên gọi khác của thiện xảo). Do vậy, kinh Phật thường gộp chung thiện xảo và phương tiện, gọi là “*thiện xảo phương tiện*”. “*Thiện xảo giả, trí chi dụng dã*” (thiện xảo là tác dụng của trí). Đây là trí huệ, trí ấy là Hậu Đắc Trí, Quyền Trí, quyền nghi, quyền xảo!

Kinh Đại Tập nói: “*Năng điều chúng sanh, tất linh thú hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị danh Phương Tiện*” (có thể điều phục chúng sanh, khiến cho họ đều hướng đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì gọi là Phương Tiện). Kinh Đại Tập nói đến phương tiện thiện xảo của Bồ Tát. Bồ Tát có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh. “*Thú hướng*” (趣向) là theo một phương hướng, theo một con đường, tức là con đường thành Phật. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là con đường thành Phật, hoàn toàn là dịch âm tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, dịch sang văn tự Trung Quốc, thì A dịch là Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, [A Nậu Đa La là] Vô Thượng, Tam dịch là Chánh, Miệu dịch là Đẳng, sau đó lại có chữ Tam cũng là Chánh, Bồ Đề là Giác, cho nên cả câu này nói gộp lại sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là ba giai đoạn trên con đường Bồ Đề của người học Phật. Giai đoạn thứ nhất là Tam Bồ Đề, tức Chánh Giác, A La Hán chứng đắc. A La Hán thành Chánh Giác là thành Tam Bồ Đề. Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Bồ Tát chứng đắc Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đối với Phật, lại thêm chữ Vô Thượng, A Nậu Đa La là Vô Thượng. Do vậy, đây là con đường thành Phật.

Theo kinh Hoa Nghiêm, Tam Bồ Đề là địa vị Thất Tín. Trong mười địa vị Tín của Bồ Tát, Thất Tín là Tam Bồ Đề. Nói theo đẳng cấp đoạn phiền não và chứng Bồ Đề thì Thất Tín Bồ Tát và Tiểu Thừa A La Hán bình đẳng, nhưng trí huệ [của Thất Tín Bồ Tát] vượt trội Tiểu Thừa, trí huệ Tiểu Thừa chẳng sánh bằng các Ngài. Chánh Đẳng Chánh Giác là Phật hoặc Bồ Tát trong mười pháp giới, sở chứng của các Ngài là Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu thêm Vô Thượng vào, bèn vượt trội mười pháp giới. Trong mười pháp giới có Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng không có Vô Thượng. Vô Thượng thì phải đoạn hết vô minh, kinh Hoa Nghiêm nói đến vọng tưởng thì [vọng tưởng] cũng là “*khởi tâm động niệm*” như chúng ta thường nói. Sáu căn đối trước cảnh giới lục trần mà chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật đã chứng đắc [cảnh giới ấy], Ngài vượt thoát mười pháp giới, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Người tu hành thông thường, được gọi là “*thông đồ*” (đi theo đường lối chung), quá nửa sanh vào thế giới Hoa Tạng, còn người niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc. Cực Lạc và

Hoa Tạng, nói thật ra là cùng một chuyện. Hoa Tạng giống như một tòa thành lớn, thế giới Cực Lạc như một con phố trong tòa thành lớn ấy, nói như vậy cho mọi người dễ hiểu, [thế giới Cực Lạc] là một con phố thù thắng nhất. Khi tôi giảng ở Tân Gia Ba, thường dùng Tân Gia Ba làm tỷ dụ. Thế giới Hoa Tạng giống như Tân Gia Ba, thế giới Cực Lạc giống như con đường Ô Tiết (Orchard Road), mọi người rất dễ hiểu. Vì vậy, sanh vào Tịnh Độ là đã sanh trong Hoa Tạng, nhưng sanh trong Hoa Tạng, chưa chắc sanh về Tịnh Độ! Phải hiểu điều này, quý vị mới biết Tịnh Độ thù thắng.

“Hựu Hội Sớ viết: Duy Ma Cật kinh vân: ‘Trí Độ Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ’, đạt Không, Vô Tướng thị đại trí, tùy nghi thiết thi danh Phương Tiện” (Lại nữa, sách Hội Sớ nói: “Kinh Duy Ma Cật bảo ‘Trí Độ là mẹ của Bồ Tát, phương tiện là cha’, thấu đạt Không, Vô Tướng là đại trí, tùy nghi lập bày, vận dụng, bèn gọi là Phương Tiện”). Trong kinh Duy Ma có hai câu như vậy. Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật) là mẹ của Bồ Tát vì có thể sanh ra chư Phật, Phật chẳng lìa khỏi trí huệ. Vì sao? Trí huệ thì mới có thể đoạn phiền não. Không có trí huệ, làm sao quý vị có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống? Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống là đại trí huệ. Do thật sự thấu suốt, nên mới có thể triệt để buông xuống; chẳng có trí huệ, sẽ không thể bỏ xuống. Không có trí huệ là quý vị còn có phiền não, còn có tình chấp, chẳng buông xuống được! Quý vị còn có sợ hãi, còn có hoài nghi, những thứ ấy đều là tập khí phiền não. Trí huệ chân chánh hiện tiền, [những phiền não, tập khí] bị quét sạch sành sanh, chẳng có chướng ngại nữa. *“Phương tiện dĩ vi phụ”* là phương tiện thiện xảo trong tu hành pháp môn. Tiếp đó, giải thích cho chúng ta biết: *“Đạt Không, Vô Tướng thị đại trí”*, “đạt” (達) là thông đạt, [nghĩa là] quý vị thông đạt, hiểu rõ, vạn pháp đều là Không, tương tức là phi tướng, đó là *“đạt vô tướng”*. Tương tức là vô tướng, bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được, đó là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, nên gọi là *“đại trí”*, trí huệ ấy sẵn có trong tự tánh.

Vì thế, Phật pháp được truyền đến Trung Quốc từ thời Hán Minh Đế, ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa bản địa của Trung Quốc. Tiến sĩ Thang Ân Ty (Arnold J. Toynbee) nói chẳng sai, ông ta nói người Trung Quốc tâm lượng to lớn, có thể dung nạp văn hóa của dị tộc. Ấn Độ là ngoại quốc, chẳng phải là Trung Quốc, là dị tộc, văn hóa dị tộc truyền đến Trung Quốc. Ông ta hết sức tán thán, có thể dung nạp văn hóa của dị tộc! Văn hóa Phật giáo đã nâng cao văn hóa truyền thống của Trung Hoa trên một mức độ lớn, đúng vậy, chẳng giả tí nào! Nho và Đạo vận dụng những nguyên tắc và nguyên lý trong Phật pháp rất nhiều. Ba thứ văn hóa Nho, Thích, Đạo dung hợp thành một Thể, đó là văn hóa truyền thống của Trung Hoa, một Thể! Do vậy, người Hoa cầu điều gì? Cầu trí huệ. Nho cũng là cầu trí huệ, Đạo cũng là cầu trí huệ. Ý niệm “cầu trí huệ” học từ Phật giáo. Chẳng hề cầu tri thức, mà cầu trí huệ. Cầu như thế nào? Từ Giới, Định, Huệ. Do vậy, phương pháp Giới, Định, Huệ được Nho học theo, mà Đạo cũng học theo. *“Nhân Giới đắc Định, nhân Định*

khai Huệ”, “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*” là phương pháp để cầu trí huệ, chẳng phải là cầu tri thức. Tri thức là học rộng, nghe nhiều. Trí huệ là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khác nhau! Tri thức có phải cầu hay không? Tri thức phải cầu, nhưng đặt nó vào cuối cùng; sau khi khai ngộ mới cầu tri thức. Quý vị thấy thứ tự trong Phật pháp [được diễn tả bằng] Tứ Hoàng Thệ Nguyện. Đầu tiên bảo quý vị phát nguyện, “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, điều này là nguyện. Ba điều sau thì sao? Nhằm thành tựu điều thứ nhất. Điều thứ hai là “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Đoạn phiền não như thế nào? Trì giới, tu định, khai trí huệ, phiền não chẳng còn nữa. Do đó, “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*” phải dùng Giới, Định, Huệ. Trí huệ đã khai, chiếu kiến Ngũ Uẩn đều không, thấu đạt chúng sanh tướng. Sau khi trí huệ đã khai, lại học pháp môn, “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”, đó là chuyện sau khi trí huệ đã khai. Trí huệ chưa khai, đối với hai chuyện sau, dẫu quý vị nghĩ cách nào cũng chẳng đạt được! Do vậy, hiện thời, rất nhiều người học Phật chẳng thể thành tựu là do nguyên nhân nào? Quên bẵng hai chuyện trước, bắt đầu từ chỗ nào? Bắt đầu từ “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, học rộng, nghe nhiều. Chẳng có cơ sở phía trước, giống như xây một tòa cao ốc bốn tầng, nhưng chẳng có tầng thứ nhất và tầng thứ hai, mong xây tầng thứ ba, rốt cuộc xây cả đời cũng xoi hỏng bống không, chẳng thể thành tựu, đạo lý ở chỗ này! Đây là chỗ Nho và Đạo đều phải học theo nhà Phật.

Vâng giữ quy củ là trì giới, quyết định chẳng thể vượt cấp được! Quý vị thấy giáo học của Trung Quốc xưa kia, học từ chỗ nào? Học từ Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy chẳng phải là bảo trẻ nhỏ đọc, mà cũng chẳng bảo nó nói, cũng chẳng phải là giảng cho nó nghe. Đệ Tử Quy là căn bản làm người, cha mẹ thực hiện cho trẻ nhỏ thấy. Trẻ thơ vừa sanh ra, mở mắt ra, nó có thể thấy, đôi tai bé bỏng của nó có thể nghe, nó đã học tập, bắt chước. Quý vị chớ nên xem thường nó, [tưởng lầm] nó vô tri, điều gì cũng đều không hiểu! Thật ra, nó hiểu nhiều hơn quý vị [nghĩ], là linh quang thật sự, tai nghe, mắt thấy, nó học toàn bộ. Tuy nó chẳng thể nói, nhưng thứ gì cũng đều hiểu. Do vậy, cha mẹ, người lớn ở trước mặt trẻ thơ phải rất chú tâm cẩn thận, khiến cho nó thấy, nghe, tiếp xúc, toàn là những điều chánh đáng. Cũng là như chúng tôi thường nói: Phải khiến cho nó thấy hiếu, đễ, trung, tín, thấy lễ, nghĩa, liêm, sỉ, thấy nhân ái, hòa bình, nghe cũng nghe những chuyện ấy, tiếp xúc cũng là tiếp xúc những chuyện ấy, đó là “*dưỡng chánh*”, tức là “*đồng mộng dưỡng chánh*” (bồi dưỡng những điều chánh đáng cho lứa tuổi vỡ lòng), là căn cội của sự dưỡng chánh, [thời gian vun bồi là] ba năm. Ba năm là một ngàn ngày, trẻ thơ chẳng có vọng niệm, chẳng có tạp niệm, căn cơ được vun bồi rất sâu, nên ngôn ngữ mới có câu: “*Tam tuế khán bát thập*”. Một ngàn ngày vun bồi căn cội, trong tương lai, bất luận tiếp xúc nghịch cảnh nào, kẻ ấy cũng chẳng thể biến thành xấu, mà có năng lực phân biệt đúng, sai, tà, chánh, thiện, ác. Nền giáo dục như thế, thừa cùng quý vị, chỉ riêng Trung Quốc là có, nên Trung Quốc đòi đòi xuất hiện hiền nhân, xuất hiện thánh nhân, đạo lý ở chỗ này!

Trong thời cổ, lịch sử đã ghi chép “*Châu gia tam thái*” (ba bà Thái của nhà Châu) đã làm rất thành công. Bà nội của Châu Văn Vương là Thái Khương, là mẹ của Vương Quý, Vương Quý là cha của Văn Vương. Mẹ của nhà vua là Thái Nhậm, phi tử của vua là Thái Tự, sanh ra Vũ Vương và Châu Công, đều là những bậc thánh nhân mà Khổng Tử bội phục nhất. Chẳng phải là từ lúc trẻ nhỏ sanh ra, mà ngay trong khi mang thai, chính mình đã bắt đầu dùng những điều chánh đáng để ảnh hưởng thai nhi. Bắt đầu [giáo dưỡn]g từ lúc có mang gọi là “*thai giáo*”, thật sự vun bồi cội rễ sâu chắc. Phương pháp giáo học như thế chính là gia giáo, mãi cho đến những năm cuối đời Mãn Thanh, các gia tộc đông đảo vẫn dùng phương pháp này. Xưa kia, trường học ít ỏi, con gái ít có cơ hội học hành, nhưng [nữ nhân] đều có thể dạy dỗ con thơ, đều biết Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đều hiểu, chẳng có một ai không biết. Lại còn có thể biểu hiện [những giềng mối ấy] trong cuộc sống hằng ngày, do các bà đã làm được, nên rất biết cách dạy dỗ!

Trẻ nhỏ sáu bảy tuổi, đi học, thầy dạy dỗ. Thầy thật sự gánh trách nhiệm, những gì thầy đã dạy, thầy đều làm được; không làm được sẽ chẳng thể dạy trẻ nhỏ, thầy nêu gương cho trẻ thơ. Thầy có đức hạnh, có tâm yêu thương, có phương pháp vận dụng phương tiện thiện xảo để khuyên nhủ, hướng dẫn bọn trẻ. Gia trưởng mời thầy, bèn đi các nơi nghe ngóng. Thật sự là một vị thầy tốt, bèn lễ thỉnh. Thỉnh đến, trước hết làm lễ bái sư, gia trưởng phải lạy thầy, phải hành đại lễ với thầy, tức là ba lần quỳ, chín lần khấu đầu. Thầy tiếp nhận gia trưởng đối đãi bằng đại lễ như vậy, nếu không nghiêm túc dạy trẻ cho tốt đẹp, há chẳng có lỗi đối với gia trưởng? Tận tâm tận lực dạy dỗ, khác với trường học hiện thời. Học trò thấy gia trưởng, cha mẹ, ông bà của chính mình cũng ba lần quỳ, chín lần khấu đầu đối với thầy, há học trò còn có thể chẳng nghe lời thầy ư? Còn có thể không tôn trọng thầy ư? Chẳng thể nào! Người trên làm, kẻ dưới bắt chước theo! Quý vị thấy cha mẹ rất tôn trọng thầy, trong tâm mục của trò, thầy chẳng khác cha mẹ, bình đẳng! Hiếu thuận cha mẹ thì cũng phải hiếu thuận thầy. Do vậy, nếu quý vị nhìn vào cổ lễ Trung Quốc, sẽ hiểu con người xưa kia khác hẳn. Mấy ngàn năm qua, là nước lễ nghĩa, là sự thật, chẳng giả! Người ngoại quốc nghiên cứu lịch sử Trung Quốc, không ai chẳng bội phục Trung Quốc. Mấy ngàn năm qua, vĩnh viễn duy trì sự thống nhất to lớn, điều này được người ta tôn kính nhất. Quý vị thấy ở Âu Châu, sau khi đế quốc La Mã tiêu vong, từ đầu đến cuối chẳng thể thống nhất, mà đã chia vụn ra. Chỉ có người Trung Quốc thống nhất, mãi đến hiện thời vẫn thống nhất. Sự thống nhất ấy vô cùng đáng quý, nói lên điều gì? Nói rõ xã hội hòa hài, nhân dân đoàn kết, đó là văn hóa ở một mức độ cao.

Có đại trí thì mới có phương tiện, tùy nghi thiết lập, thi hành. “*Nghi*” (宜) là cần thiết, định ra một loạt phương pháp nhằm thích hợp với nhu cầu trước mắt. Ngày nay, cả thế giới động loạn, nguyên nhân là gì? Chúng ta thường quên bằng sự giáo dục làm người, chẳng dạy con người làm người, chỉ chú trọng giáo dục kỹ năng, chỉ coi trọng sự mưu sinh

trong tương lai. Tại Trung Quốc, kiểu cách ấy chẳng được gọi là giáo dục! Vì thế, thoát đầu, tôi xuất gia tại chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, Đài Bắc. Mới xuất gia làm tiểu hòa thượng, trong tự viện cũng giao phó việc cho chúng tôi làm. Công việc của tôi là quét sân, quét dọn cửa chính. Sư huynh, sư đệ ba người, sáng sớm mỗi ngày quét dọn cửa chính. Cửa chính có rất nhiều cây, lá rụng mỗi ngày nên phải quét dọn. Có một hôm vào lúc quét dọn, tôi thấy bốn đứa sinh viên. Phía sau chùa chúng tôi có một con đường dẫn đến công viên Viên Sơn, có thể theo con đường ấy để vào [công viên], không có ai canh cửa, chẳng phải mua vé vào cửa, chứ đi cửa chính thì phải có vé vào cửa. Do biết có con đường tắt ấy, chúng nó đi ngã sau. Tôi thấy bốn đứa sinh viên ấy, vừa nói chuyện phiếm vừa tản bộ, trèo lên núi. Tôi rất cảm thán, thốt lên: “Đáng tiếc! Những kẻ trẻ tuổi này chẳng được giáo dục”. Họ nghe thấy lời ấy, ngay lập tức quay lại tìm tôi, chất vấn: “Ông vừa mới nói gì đó?” “Tôi đã nói rồi đó, tôi nói: Rất đáng tiếc, các vị chẳng có giáo dục”. Họ rất tức giận: “Bọn tôi là sinh viên năm thứ tư ngành Pháp Luật của Đại Học Đài Loan, có sao ông nói chúng tôi chưa được giáo dục?” Tôi nghe lời ấy, đáp: “Hóa ra là sinh viên đại học. Tôi đã coi thường quý vị mất rồi. Thôi được, tôi xin thỉnh giáo quý vị”. Tôi nói: “Giáo là gì? Dục là gì? Giáo dục là gì? Xin quý vị hãy giảng cho tôi nghe ba vấn đề ấy”. Tôi vừa hỏi như thế đã khiến bọn họ ú ớ, đúng là chẳng đáp được. Các sinh viên thuở ấy còn khá lắm, vẫn rất khiêm hư, họ thỉnh giáo ngược lại tôi, thái độ rất khiêm tốn và cũng rất cung kính. Tôi đem những gì Lễ Ký đã giải thích, giảng cho họ nghe, họ chưa hề học đến.

Sau đó họ hỏi tôi, họ nói: “Vậy thì trường đại học của chúng tôi nay nên coi là gì?” Tôi đáp: “Tốt nhất là đại học nên đổi danh xưng thành viện nghiên cứu kỹ thuật cao cấp. Danh xưng ấy rất thích hợp với quý vị. Quý vị không chỉ chưa học giáo dục cao đẳng, mà giáo dục tiểu học cũng chưa học!” Họ cảm thấy rất lạ lùng, giáo dục tiểu học ư? Tôi nói: “Quý vị có biết ăn cơm hay không?” “Ai mà chẳng biết ăn cơm?” “Đâu có đơn giản như vậy! Tôi bày bốn món ăn cho quý vị, phương hướng của bốn món ấy được sắp đặt theo phương vị của Ngũ Hành, quý vị có xếp được hay không?” [Không xếp được tức là] chưa biết ăn cơm, quý vị chưa học qua! Tôi nói: “Quý vị đã học quét đất hay chưa? Ứng đối, quét tước chính là giáo dục tiểu học, quý vị chưa hề học, mặc quần áo lấm ăn cơm đều chẳng biết!” Tôi nói: “Đó gọi là trường học, đó là giáo dục”. Như vậy là những sinh viên ấy cũng còn rất khá, thuở ấy, gần như là sáu mươi năm trước đây, các sinh viên còn khá lắm, đều rất có thể chịu học hỏi. Nay thì chúng ta có gặp cũng chẳng dám nói; nếu chọc giận họ, họ sẽ động võ với quý vị, chúng ta đâu có chịu nổi. Đây là giáo dục nầy sanh vấn đề, chẳng biết làm người! Vì thế, hiện thời có rất nhiều người đi học có bằng Tiến Sĩ, nhưng chẳng tìm được việc. Khá nhiều công ty, hãng xưởng hết sức cần nhân tài, biết họ có khả năng, nhưng chẳng biết làm người, nên chẳng dám dùng họ! Đây là hiện tượng phổ biến trong xã hội hiện thời. Vì thế, sự giáo dục trong Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên là

giáo dục làm người. Quý vị biết làm người, lại còn biết làm việc, ai cũng thích, chủ nhân nào cũng đều thích dùng quý vị!

Nay chúng ta nói “*tùy nghi thiết thi*” thì giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Chúng tôi nói với người khác, người ta nghe xong cũng gật đầu, nhưng chẳng có ai tin tưởng, chẳng có ai dám thực nghiệm. Trong xã hội hiện thời, muốn làm chuyện tốt thì phải có địa điểm làm mẫu, đó là chuyện tốt. Địa điểm làm mẫu được thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ chính mình. Chính cá nhân ta là người nêu gương. Làm được điều này, quý vị lại thực hiện trong gia đình, biến gia đình của chính mình thành một nơi gương mẫu. Hiện thời là tiểu gia đình, trong xã hội có nhiều tiểu gia đình nêu gương để cho người khác đến thăm, quan sát sinh hoạt thường nhật của gia đình quý vị, một nhà hòa thuận, thân ái, một nhà hỗ trợ hợp tác, thực hiện được điều ấy. Quý vị có công ty, bất luận công ty lớn hay nhỏ, quý vị biến công ty thành một tấm gương, làm gương cho tất cả các công ty khác. Đó là gì? Đó là Bồ Tát. Cá nhân quý vị làm được, quý vị thành Bồ Tát. Quý vị chăm nom gia đình tốt đẹp, đó là gia đình Bồ Tát, người nhà của quý vị đều là Bồ Tát. Quý vị hướng dẫn một công ty hay hãng xưởng tốt đẹp, công ty hay hãng xưởng ấy sẽ là công ty Bồ Tát, chẳng bị lỗ vốn, sẽ sinh lợi. Một người điều hành xí nghiệp ở Bắc Kinh là cư sĩ Hồ Tiểu Lâm, sau khi quen biết tôi, tôi đã dạy ông ta phương pháp này, thực hiện ba cội rễ, chính mình thực hiện trước, sau đó ảnh hưởng tới gia đình, cuối cùng áp dụng vào công ty, làm rất tự tại, làm rất thành công, đó là một tấm gương tốt. Ở Thanh Đảo, cũng có một xí nghiệp gia là bà Lưu Khắc Thành, cũng làm hết sức thành công. Những gương như vậy đều là điển hình. Quý vị đã nghe nền văn hóa giáo dục truyền thống này, hãy tự đến xem, xem người ta làm như thế nào!

Ba nhà Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc đều coi trọng hành chứng, không thể chỉ có tín, giải, mà sau đó chẳng có hành, chứng. Nếu như vậy thì sẽ biến thành học thuật, biến thành huyền học, biến thành tri thức, chẳng phải là trí huệ. Quý vị có thể thực hiện những điều đã học, vận dụng trong cuộc sống, đạt được lợi ích trong cuộc sống, thân tâm khỏe mạnh, phiền não nhẹ bớt, trí huệ tăng trưởng. Áp dụng vào gia đình, gia đình hạnh phúc; vận dụng trong sự nghiệp, sự nghiệp thuận lợi. Quý vị ảnh hưởng xóm giềng, làng nước, khu vực nhỏ nơi quý vị cư trú nhất định sẽ hòa hài, một chốn lễ nghĩa nho nhỏ đã xuất hiện, sẽ thấy xã hội hài hòa. Mấy năm sau, ảnh hưởng ngày càng lớn hơn, có thể ảnh hưởng cả một thành thị hay một khu vực. Đã nêu gương, đã nêu khuôn mẫu, lại mở rộng, sẽ ảnh hưởng toàn thể thế giới. Vì sao? Toàn thể thế giới đều cần thiết, nhưng họ chẳng tìm được một nơi nào, họ đến [chỗ quý vị] để xem xét, thật sự mong học theo. Người trên cả thế giới đều đến chỗ quý vị học tập, công đức to lớn! Chớ nên coi thường, sự nghiệp Bồ Tát đây nhé! Đó gọi là “*tùy nghi thiết thi*” (thuận theo cơ nghi mà thiết lập, thực hiện).

“*Phương tiện hữu nhị chủng*” (phương tiện có hai thứ), thứ nhất là “*thâm giải Không nhi bất thủ tướng, thọ chứng*” (hiểu Không sâu xa, nhưng chẳng giữ lấy tướng, hoặc thấy có chứng). Đối với những nghĩa lý như “*vạn pháp đều là không*”, “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc*” đều phải thấu hiểu sâu xa. Do chúng ta lý giải chưa đủ sâu, nên quý vị chưa thể thực hiện. Sau khi thấu hiểu sâu xa, quý vị tự nhiên thực hiện được. Thực hiện là gì? Quý vị làm được. Chẳng phải là quý vị đọc kinh hay nghiên cứu kinh, mà là thực hành kinh! Biến lý luận trong kinh giáo thành tư tưởng, biến giáo huấn trong kinh điển thành hành vi của mình, đây mới là “*khế nhập*”. Hiểu Không, chẳng chấp tướng, quý vị mới chứng đắc, cái đã chứng đắc chính là ý nghĩa chân thật do Như Lai đã nói trong kinh, quý vị đã thấu hiểu. Hễ quý vị chấp tướng, sẽ chẳng hiểu, chẳng biết nghĩa chân thật của Như Lai. Nghĩa chân thật của Như Lai là chân lý uẩn tàng trong tự tánh.

Thứ hai, “*dĩ Thật Tướng lý thâm mạt năng tín thọ, yếu tu phương tiện dụ dẫn quần sanh, linh kỳ tiệm ngộ*” (Do lý Thật Tướng sâu xa, chưa thể tin nhận, nên phải dùng phương tiện để dẫn dụ quần sanh khiến cho họ dần dần ngộ). Điều thứ hai là giúp đỡ, độ người khác. Điều thứ nhất là tự lợi, điều thứ hai là lợi tha. “*Lợi Tha*”: Lý Thật Tướng quá sâu, trong phần trước đã nói: “*Thâm giải Không, nhi bất thủ tướng*” (thấu hiểu Không sâu xa, nhưng chẳng chấp lấy tướng), người bình phàm chẳng thể lý giải điều này; chính mình đã đạt được, phải giúp đỡ người khác. Giúp đỡ người khác thì phải có phương tiện, phải có lòng kiên nhẫn, có tâm nhẫn nại và có phương tiện. Phương tiện là gì? Phương tiện là chính mình đã làm được thì phải thường nói với người nhà. Đối với công việc thì người nhà có công việc, trẻ nhỏ phải đi học, khi tan sở hoặc tan học, sáng tối dùng bữa với nhau, hoặc lúc rảnh rỗi, giảng những đạo lý trong kinh giáo cho mọi người nghe. Đức Phật dạy chúng ta sống như thế nào, làm lụng ra sao, khiến cho mọi người đều hiểu rõ những giáo huấn ấy. Họ thấy quý vị thực hiện, thực hiện tự tại dường ấy, thật sự hữu dụng! Hữu dụng là cuộc sống và công việc đâu bận bịu đến mấy, người ấy vẫn rất thông dong, chẳng có phiền não, vui sướng, chẳng có ưu lự, tăng trưởng trí huệ, có ai chẳng vui vẻ? Học từ đâu? Học từ trong giáo dục truyền thống! Mọi người mới biết các thứ truyền thống là tốt đẹp. Quý vị chẳng nêu gương, quý vị giảng cho họ nghe, họ chẳng tin! Phương pháp hữu hiệu nhất là trong cuộc sống hằng ngày, hãy sống đơn giản, chẳng lãng phí mảy may! Hoàn cảnh cư trụ tuy nhỏ bé, nhưng ngăn nắp, sạch sẽ, chớ nên quá lớn, quá lớn thì sao? Dọn dẹp các phòng lãng phí rất nhiều thời gian, phải lãng phí rất nhiều tinh lực, càng đơn giản càng hay, càng đơn giản càng vui sướng. Người khác sống trong một căn nhà lớn, chớ nên hâm mộ, vì sao? Rất khổ! Sống trong một căn nhà to là chịu tội, phải mất bao nhiêu thời gian và tinh lực để chăm sóc căn nhà ấy, chẳng đáng! Trong nhà người khác có hoa viên, nhà ta có vườn rau. Rau có thể ăn, luôn luôn là hữu dụng, có liên quan đến cuộc sống của

ta. Thực hiện được thì thân thể khỏe mạnh, vui sướng, suốt ngày từ sáng đến tối hoan hỷ, điều này rất khó có!

Quý vị thấy người hiện thời, có mấy ai suốt ngày luôn lộ vẻ tươi cười? Toàn là mặt ủ mày chau! Quý vị biết tâm tình của họ có rất nhiều điều trái ý. Họ thấy chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối hoan hỷ. Khi tôi sống ở Mỹ, có một hôm, hàng xóm đến hỏi tôi: “Các vị làm gì? Đang làm nghề gì? Vì sao mỗi ngày quý vị vui sướng dường ấy?” Họ hỏi tôi chuyện ấy. Chúng tôi bảo họ: “Chúng tôi học Phật”. Họ không hiểu, học Phật ư? Phật là tôn giáo, [họ nghĩ] chúng tôi học Phật giáo. Họ hỏi: “Phật giáo là gì? Các vị học gì?” “Chúng tôi học Tịnh Độ”. “Tịnh Độ là gì?” Thế giới Cực Lạc! Chúng tôi học vui sướng, học thanh tịnh, học khỏe mạnh, sống lâu. Họ nói: “Chúng tôi cũng muốn học những thứ ấy”. Được! Hoan nghênh quý vị đến học. Chúng tôi có một tiểu đạo tràng, họ đều là giáo đồ Cơ Đốc. Tôi nói: Quý vị Chủ Nhật đi nhà thờ, Thứ Bảy đến Phật đường, chẳng có xung đột. Quý vị và Thượng Đế có quan hệ cha con. Quý vị đến Phật đường là quan hệ thầy trò, đến học, nghe giảng. Họ thật sự rất vui, chẳng có xung đột! Quý vị tín ngưỡng tôn giáo, nhưng con cái của quý vị chẳng đều đi học hay sao? Phật giáo là trường học, dạy quý vị vui sướng như thế nào? Tu tâm thanh tịnh ra sao? Đạt được vui sướng như thế nào? Thân tâm khỏe mạnh như thế nào? Dạy những chuyện ấy. Thân tâm khỏe mạnh, bền sống lâu! Vô Lượng Thọ. Ai nấy đều mong sống lâu, đều muốn khỏe mạnh, vậy thì hãy đến chỗ của tôi. Quý vị thấy chúng tôi học ở đây, hằng ngày luôn hoan hỷ, bất luận khi nào quý vị đến xem, đều thấy vẻ mặt luôn tươi cười. Đó là phương tiện dẫn dụ quần sanh, khiến cho họ dần dần giác ngộ.

“Kỳ đức quảng đại, bất Nhị Thừa (tức phi Nhị Thừa) sở năng vi, cố ngôn thiện lập” (đức ấy họ rộng lớn, chẳng phải là hàng Nhị Thừa có thể làm được, nên nói là “khéo lập”). Người Nhị Thừa chẳng làm được, người Nhị Thừa trí huệ chưa khai, họ có Giới và Định, nhưng trí huệ chưa khai. Bồ Tát có Giới, có Định, trí huệ cũng đã khai, nên có phương tiện thiện xảo, cho nên có thể dẫn dụ chúng sanh, đều có thể đối xử hòa thuận với hết thảy chúng sanh, quyết định chẳng phát sanh xung đột với hết thảy chúng sanh. Lúc tôi vừa mới đến Úc, khi ấy, thường trở về Tân Gia Ba, giảng kinh tại Tân Gia Ba mỗi năm vài lần. Ở Úc cũng có hội nghị tôn giáo nhằm đoàn kết tôn giáo do chánh phủ tổ chức. Có một viên chức địa vị không cao, giống như khoa trưởng¹ của khoa tôn giáo, địa vị chẳng cao lắm! Mỗi tháng, họ triệu tập đại biểu của các tôn giáo khác nhau đến họp, cùng họp lại nghiên

1 Theo hành chánh của Đài Loan, khoa trưởng là một viên chức quản trị hành chánh cấp thấp. Nếu dựa theo hệ thống cấp bậc trong chính phủ Trung Hoa Dân Quốc thì cao nhất là Thủ Tướng (Quốc Vụ Viện Tổng Lý), Khoa Trưởng được xếp vào cấp thứ chín đếm từ trên xuống, tương ứng với Nha Trưởng trong một cơ cấu chánh phủ. Chúng tôi đoán Khoa Trưởng được dùng ở đây có lẽ là người đứng đầu tiểu ban tôn giáo của chính phủ.

cứu, thảo luận: “Tôn giáo hỗ trợ hợp tác như thế nào?” Tôi đi dân đến Úc, tham gia hội nghị này, mỗi tháng họp hành, tôi nhất định đến tham dự. Đối với các tôn giáo khác nhau, chúng tôi đối đãi với nhau rất khá. Họ thường tranh luận một vấn đề: “Rốt cuộc Phật giáo là gì?” Chúng tôi bảo họ: “Phật giáo là giáo dục”. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giáo học. Giống như trong một quốc gia, Phật giáo chuyên lo giáo dục, làm công tác giáo dục. Tôi nói: [Phật giáo] chẳng xung đột với quý vị, Thượng Đế của quý vị trông nom việc hành chánh, giống như người đứng đầu một đất nước. Chúng tôi cũng chẳng phải là bộ trưởng giáo dục, chúng tôi là dân thường, giống như Khổng lão phu tử, là giáo học dân gian. Giúp đỡ, thành tựu quý vị, Phật giáo chẳng phản đối bất cứ tôn giáo nào. Phật giáo thừa nhận thần của quý vị, giống như thừa nhận người lãnh đạo quốc gia; nhưng Phật giáo chẳng tham gia chánh trị, mà là một loại giáo học dân gian. Họ nói: “Người sau khi chết đi thì sao?” “Chúng tôi lên thế giới Cực Lạc”. Họ nói: “Người sau khi đã chết thì ai là người phán quyết cuối cùng?” Tôi nói quyền phán quyết là Thượng Đế, họ rất hoan hỷ. Tôi nói Phật giáo chẳng phán quyết người khác, Phật giáo chỉ dạy bảo con người, chỉ dạy người ta đoạn ác, tu thiện, chứ Phật giáo chẳng xét đoán con người. Trong Phật giáo chẳng tìm được chuyện phán quyết. Vì thế, chúng tôi đối xử với nhau rất vui vẻ, tôn trọng họ, quý vị là người lãnh đạo quốc gia, quý vị là bộ trưởng Tư Pháp. Tôi nói Phật giáo chẳng vậy, Phật giáo là giáo học dân gian. Dạy những gì? Dạy người ta đoạn ác, tu thiện. Trong kinh điển của họ đều có những chuyện này. Từ từ, những sự đối lập giữa các tôn giáo dần dần được hóa giải.

Khi chúng tôi tiến hành hoạt động tôn giáo trên quốc tế, nhất là những hoạt động hòa bình của Liên Hiệp Quốc, tôi luôn mời các tôn giáo cùng đi, cùng nhau tham gia. Tại đại hội Liên Hiệp Quốc, chúng tôi biểu diễn một chút, các tôn giáo nắm tay nhau, cầu nguyện cho thế giới hòa bình. Chính họ vui vẻ, mà đơn vị đứng ra tổ chức cũng vui vẻ. Điều khó có là có nhiều tôn giáo bất đồng như vậy đến cầu nguyện cho hòa bình, chuyện này hay lắm! Đặc biệt là Phật giáo, có thể nói Phật giáo là giáo dục dân gian. Hành trạng suốt một đời đức Thích Ca Mâu Ni Phật và Khổng Tử hết sức giống nhau, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này. Dùng phương thức giáo dục để giúp đỡ quốc gia, giúp xã hội an định, giúp xã hội hòa hài, giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. Đối với người căn tánh nhay bén, bèn giúp đỡ họ trở về tự tánh. Do vậy, chúng ta phải nhận thức rõ rệt, Phật giáo chẳng phải là mê tín, phải uốn nắn cho đúng quan niệm sai lầm của người đời đối với Phật giáo. Uốn nắn chẳng phải là nói suông, mà phải nêu gương cho người khác nhìn vào. Các đồng tu của Tịnh Tông Học Hội có sứ mạng này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!